

DANH SÁCH
KẾT QUẢ THI VÒNG 1 KỲ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ NĂM 2024
(Kèm theo Thông báo số /TB-HĐTD ngày /11/2024 của Hội đồng tuyển dụng)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Tỷ lệ phần trăm (%) số câu trả lời đúng									Kết quả vòng 1	Ghi chú
					Môn kiến thức chung			Môn Tin học			Môn Ngoại ngữ (Tiếng Anh)				
					Tổng số câu	Số câu trả lời đúng	Tỷ lệ %	Tổng số câu	Số câu trả lời đúng	Tỷ lệ %	Tổng số câu	Số câu trả lời đúng	Tỷ lệ %		
1	01	Bùi Lê Phương Anh	02/8/2002	Nữ	60	48	80	30	19	63	30	19	63	Đạt	
2	02	Nguyễn Hoàng Anh	20/6/1995	Nam	60	41	68	30	15	50	30	16	53	Đạt	
3	03	Nguyễn Lâm Anh	10/9/1995	Nam	60	44	73	30	16	53	30	20	67	Đạt	
4	04	Nguyễn Ngọc Hoàng Anh	10/12/2002	Nữ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Vắng
5	05	Phạm Ngọc Ảnh	12/8/1981	Nữ	60	48	80	30	16	53	30	16	53	Đạt	
6	06	Nguyễn Thị Kim Đào	30/6/1993	Nữ	60	48	80	30	16	53	30	16	53	Đạt	
7	07	Trần Thị Bích Đào	19/10/2001	Nữ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Vắng
8	08	Trần Phát Đạt	03/02/1986	Nam	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Vắng
9	09	Nguyễn Văn Dư	15/3/1997	Nam	60	49	82	30	22	73	30	20	67	Đạt	
10	10	Bùi Minh Đức	25/9/2002	Nam	60	44	73	30	17	57	30	16	53	Đạt	
11	11	Bùi Thị Thuỳ Dương	20/5/2001	Nữ	60	45	75	30	16	53	30	16	53	Đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Tỷ lệ phần trăm (%) số câu trả lời đúng									Kết quả vòng 1	Ghi chú
					Môn kiến thức chung			Môn Tin học			Môn Ngoại ngữ (Tiếng Anh)				
					Tổng số câu	Số câu trả lời đúng	Tỷ lệ %	Tổng số câu	Số câu trả lời đúng	Tỷ lệ %	Tổng số câu	Số câu trả lời đúng	Tỷ lệ %		
12	12	Đặng Hồng Duy	12/10/2001	Nam	60	38	63	30	22	73	30	16	53	Đạt	
13	13	Nguyễn Đồng Hiếu Duy	01/8/2002	Nam	60	50	83	30	16	53	30	15	50	Đạt	
14	14	Nguyễn Thị Huệ Duyên	02/3/1996	Nữ	60	44	73	30	16	53	30	18	60	Đạt	
15	15	Nguyễn Thị Thuỳ Duyên	05/10/2000	Nữ	60	45	75	30	17	57	30	18	60	Đạt	
16	16	Đỗ Thị Hồng Gấm	20/11/1998	Nữ	60	49	82	30	18	60	30	15	50	Đạt	
17	17	Trịnh Thị Phương Hà	01/12/1992	Nữ	60	46	77	30	20	67	30	16	53	Đạt	
18	18	Huỳnh Ngọc Hân	22/9/2002	Nữ	60	38	63	30	15	50	30	16	53	Đạt	
19	19	Nguyễn Thị Mỹ Hằng	07/3/1980	Nữ	60	46	77	30	Miễn		30	20	67	Đạt	
20	20	Nguyễn Thuý Hằng	04/12/1996	Nữ	60	48	80	30	21	70	30	16	53	Đạt	
21	21	Nguyễn Anh Hào	25/9/1999	Nam	60	47	78	30	16	53	30	19	63	Đạt	
22	22	Đoàn Thanh Hoài	29/5/1996	Nam	60	39	65	30	15	50	30	16	53	Đạt	
23	23	Đoàn Thị Thuỳ Hương	25/9/1999	Nữ	60	46	77	30	17	57	30	16	53	Đạt	
24	24	Trần Thị Mỹ Hương	24/8/1994	Nữ	60	49	82	30	17	57	30	16	53	Đạt	
25	25	Võ Khắc Huy	21/7/1989	Nam	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Vắng
26	26	Lê Duy Khanh	27/6/1988	Nam	60	46	77	30	15	50	30	16	53	Đạt	
27	27	Phạm Duy Khiêm	28/8/1997	Nam	60	41	68	30	15	50	30	20	67	Đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Tỷ lệ phần trăm (%) số câu trả lời đúng									Kết quả vòng 1	Ghi chú
					Môn kiến thức chung			Môn Tin học			Môn Ngoại ngữ (Tiếng Anh)				
					Tổng số câu	Số câu trả lời đúng	Tỷ lệ %	Tổng số câu	Số câu trả lời đúng	Tỷ lệ %	Tổng số câu	Số câu trả lời đúng	Tỷ lệ %		
28	28	Đặng Anh Khoa	11/5/1999	Nam	60	44	73	30	18	60	30	15	50	Đạt	
29	29	Nguyễn Thị Minh Khoa	05/6/2002	Nữ	60	42	70	30	Miễn		30	16	53	Đạt	
30	30	Nguyễn Lê Minh Khương	11/9/1996	Nữ	60	51	85	30	21	70	30	20	67	Đạt	
31	31	Ngô Thị Hồng Lan	27/5/1990	Nữ	60	51	85	30	20	67	30	16	53	Đạt	
32	32	Nguyễn Ngọc Ánh Lan	28/9/2000	Nữ	60	43	72	30	15	50	30	16	53	Đạt	
33	01	Phạm Thị Trúc Linh	21/9/1993	Nữ	60	46	77	30	16	53	30	17	57	Đạt	
34	02	Thái Thị Mỹ Linh	18/5/2000	Nữ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Vắng
35	03	Trần Hữu Lộc	22/3/1995	Nam	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Vắng
36	04	Bùi Thị Trút Ly	25/7/1991	Nữ	60	47	78	30	Miễn		30	18	60	Đạt	
37	05	Nguyễn Thị Trúc Ly	16/9/1988	Nữ	60	47	78	30	Miễn		30	17	57	Đạt	
38	06	Ngô Thị Tuyết Minh	05/11/1995	Nữ	60	45	75	30	17	57	30	15	50	Đạt	
39	07	Lê Hải Nam	04/11/2001	Nam	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Vắng
40	08	Lê Thị Thuỳ Ngân	15/9/1996	Nữ	60	39	65	30	19	63	30	18	60	Đạt	
41	09	Đinh Hữu Nghĩa	26/8/2001	Nam	60	52	87	30	16	53	30	18	60	Đạt	
42	10	Nguyễn Đức Nghiêm	24/8/1996	Nam	60	46	77	30	15	50	30	16	53	Đạt	
43	11	Bùi Thị Ngọc	08/01/1991	Nữ	60	54	90	30	Miễn		30	19	63	Đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Tỷ lệ phần trăm (%) số câu trả lời đúng									Kết quả vòng 1	Ghi chú
					Môn kiến thức chung			Môn Tin học			Môn Ngoại ngữ (Tiếng Anh)				
					Tổng số câu	Số câu trả lời đúng	Tỷ lệ %	Tổng số câu	Số câu trả lời đúng	Tỷ lệ %	Tổng số câu	Số câu trả lời đúng	Tỷ lệ %		
44	12	Trần Thị Mất Ngọc	13/02/2002	Nữ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Vắng
45	13	Nguyễn Bình Phương Nguyên	30/11/1991	Nam	60	44	73	30	16	53	30	17	57	Đạt	
46	14	Phạm Văn Nhân	20/10/1990	Nam	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Vắng
47	15	Ngô Trọng Nhân	23/01/1996	Nam	60	37	62	30	16	53	30	16	53	Đạt	
48	16	Trần Minh Nhật	13/10/1995	Nam	60	39	65	30	16	53	30	16	53	Đạt	
49	17	Nguyễn Châu Nhi	12/02/1999	Nữ	60	49	82	30	17	57	30	17	57	Đạt	
50	18	Nguyễn Thị Nhi	07/7/1991	Nữ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Vắng
51	19	Nguyễn Thị Kiều Nhi	26/02/2000	Nữ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Vắng
52	20	Lê Thị Thuỳ Như	16/6/1992	Nữ	60	52	87	30	18	60	30	16	53	Đạt	
53	21	Hồ Thanh Nhựt	10/01/1981	Nam	60	44	73	30	15	50	30	17	57	Đạt	
54	22	H'Ruôi Niê	26/11/1998	Nữ	60	49	82	30	18	60	30	15	50	Đạt	
55	23	Võ Thị Ngọc Nữ	17/6/1988	Nữ	60	40	67	30	Miễn		30	22	73	Đạt	
56	24	Huỳnh Lập Phát	14/6/2002	Nam	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Vắng
57	25	Trần Nhựt Phát	27/10/2001	Nam	60	53	88	30	18	60	30	18	60	Đạt	
58	26	Hồ Văn Phúc	06/9/1998	Nam	60	46	77	30	17	57	30	16	53	Đạt	
59	27	Trịnh Ngọc Tuyết Phương	27/12/1999	Nữ	60	32	53	30	16	53	30	16	53	Đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Tỷ lệ phần trăm (%) số câu trả lời đúng									Kết quả vòng 1	Ghi chú
					Môn kiến thức chung			Môn Tin học			Môn Ngoại ngữ (Tiếng Anh)				
					Tổng số câu	Số câu trả lời đúng	Tỷ lệ %	Tổng số câu	Số câu trả lời đúng	Tỷ lệ %	Tổng số câu	Số câu trả lời đúng	Tỷ lệ %		
60	28	Nguyễn Thị Kim Phụng	09/3/1985	Nữ	60	42	70	30	16	53	30	20	67	Đạt	
61	29	Võ Minh Quân	01/01/2002	Nam	60	49	82	30	17	57	30	17	57	Đạt	
62	30	Nguyễn Phước Quý	23/10/1994	Nam	60	49	82	30	22	73	30	17	57	Đạt	
63	31	Hồ Kim Rin	16/10/1985	Nữ	60	42	70	30	18	60	30	17	57	Đạt	
64	32	Võ Chí Tâm	10/4/1995	Nam	60	45	75	30	19	63	30	19	63	Đạt	
65	01	Lục Nguyễn Thiên Tân	10/5/2000	Nam	60	50	83	30	15	50	30	24	80	Đạt	
66	02	Nguyễn Văn Thành	26/7/2002	Nam	60	41	68	30	16	53	30	19	63	Đạt	
67	03	Nguyễn Phương Thảo	06/12/1983	Nữ	60	52	87	30	16	53	30	19	63	Đạt	
68	04	Trần Minh Thiện	17/7/2000	Nam	60	42	70	30	16	53	30	17	57	Đạt	
69	05	Huỳnh Phú Thịnh	26/9/1993	Nam	60	46	77	30	23	77	30	17	57	Đạt	
70	06	Nguyễn Thị Bích Thu	11/02/1995	Nữ	60	45	75	30	16	53	30	20	67	Đạt	
71	07	Ngô Ngọc Thu	14/5/1990	Nữ	60	44	73	30	16	53	30	20	67	Đạt	
72	08	Quảng Ngọc Thuận	12/9/2000	Nam	60	41	68	30	16	53	30	18	60	Đạt	
73	09	Trần Thị Diễm Thuý	24/9/1999	Nữ	60	50	83	30	17	57	30	21	70	Đạt	
74	10	Huỳnh Thị Mỹ Tiên	14/5/1996	Nữ	60	48	80	30	18	60	30	15	50	Đạt	
75	11	Trương Phước Tiến	18/7/1992	Nam	60	50	83	30	Miễn		30	16	53	Đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Tỷ lệ phần trăm (%) số câu trả lời đúng									Kết quả vòng 1	Ghi chú
					Môn kiến thức chung			Môn Tin học			Môn Ngoại ngữ (Tiếng Anh)				
					Tổng số câu	Số câu trả lời đúng	Tỷ lệ %	Tổng số câu	Số câu trả lời đúng	Tỷ lệ %	Tổng số câu	Số câu trả lời đúng	Tỷ lệ %		
76	12	Trần Đỗ Bích Trâm	31/12/1999	Nữ	60	44	73	30	17	57	30	16	53	Đạt	
77	13	Ngô Thị Thuỳ Trang	05/7/1995	Nữ	60	45	75	30	16	53	30	15	50	Đạt	
78	14	Nguyễn Thị Thuỳ Trang	04/9/1998	Nữ	60	46	77	30	16	53	30	16	53	Đạt	
79	15	Phan Thị Kiều Trang	09/02/1999	Nữ	60	47	78	30	16	53	30	16	53	Đạt	
80	16	Nguyễn Thành Trí	01/01/1983	Nam	60	44	73	30	15	50	30	16	53	Đạt	
81	17	Nguyễn Huỳnh Trung Trinh	23/8/1989	Nữ	60	42	70	30	17	57	30	16	53	Đạt	
82	18	Nguyễn Thị Tú Trinh	15/12/2000	Nữ	60	37	62	30	16	53	30	18	60	Đạt	
83	19	Võ Thanh Tròn	28/10/2002	Nam	60	34	57	30	15	50	30	17	57	Đạt	
84	20	Phạm Văn Trung	21/6/1987	Nam	60	44	73	30	16	53	30	17	57	Đạt	
85	21	Trần Nhật Trường	19/6/1990	Nam	60	40	67	30	16	53	30	17	57	Đạt	
86	22	Trần Thị Cẩm Tú	19/10/2002	Nữ	60	49	82	30	18	60	30	21	70	Đạt	
87	23	Trần Thị Cẩm Tú	03/3/1988	Nữ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Vắng
88	24	Trần Thị Tươi	17/11/1993	Nữ	60	46	77	30	15	50	30	16	53	Đạt	
89	25	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	20/4/1992	Nữ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Vắng
90	26	Trần Thị Thanh Tuyền	17/6/2001	Nữ	60	45	75	30	16	53	30	17	57	Đạt	
91	27	Bùi Trung Việt	20/7/1989	Nam	60	49	82	30	16	53	30	17	57	Đạt	

[illegible]

